Name: ..... Class: 3 A4

PHIẾU GIAO BÀI TIẾNG ANH (18/10/2021 - 22/10/2021)

<table>
<tr><th>Thời gian</th><th>Nội dung học: Grammar 1 – Past Simple Tense</th></tr>
<tr><td rowspan="4">Thứ 2 (18/10)</td><td>
1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (3 lần)
Con mở "Track 01" để nghe bài.
<table>
<tr>
<td>
1. go -> went</td>
<td>
2. make -> made</td>
<td>
3. see -> saw</td>
<td>
4. swim -> swam</td>
<td>
5. drive -> drove</td>
</tr>
<tr>
<td>
6. eat -> ate</td>
<td>
7. take -> took</td>
<td>
8. sleep -> slept</td>
<td>
9. do -> did</td>
<td>
10. sing -> sang</td>
</tr>
</table>
</td></tr>
<tr><td>2) Làm BT Toán Tiếng Anh của cô Claire giao trên Teams (nếu có)</td></tr>
<tr><td>3) Làm vòng 10 IOE</td></tr>
</table>

LIVEWORKSHEETS

Thứ 3 (19/10)

1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (3 lần)

Con mở **"Track 01"** để nghe bài.

 **1. go -> went**	 **2. make -> made**	 **3. see -> saw**	 **4. swim -> swam**	 **5. drive -> drove**
 **6. eat -> ate**	 **7. take -> took**	 **8. sleep -> slept**	 **9. do -> did**	 **10. sing -> sang**

2) Làm phiếu bài tập 1 trên Liveworksheets

LIVEWORKSHEETS

Thứ 4
(20/10)

1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (2 lần)

Con mở **"Track 01"** để nghe bài.

 **1. go -> went**	 **2. make -> made**	 **3. see -> saw**	 **4. swim -> swam**	 **5. drive -> drove**
 **6. eat -> ate**	 **7. take -> took**	 **8. sleep -> slept**	 **9. do -> did**	 **10. sing -> sang**

2) Làm bài tập trong Workbook trang 36, 37

LIVEWORKSHEETS

Thứ 4 (20/10)

3) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (2 lần)

Con mở **"Track 02"** để nghe bài.

1 **What <u>did</u> you do at the campsite?**  **I <u>made</u> a fire at the campsite.**	**2** **What <u>did</u> you do at the campsite?**  **We <u>sang</u> a song together.**
3 **What <u>did</u> you do at the campsite?**  **I <u>swam</u> in the river.**	**4** **What <u>did</u> you do at the campsite?**  **I <u>slept</u> in the tent.**

LIVEWORKSHEETS

Thứ 5 (21/10)

1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (2 lần)

Con mở **"Track 01"** để nghe bài.

 **1. go -> went**	 **2. make -> made**	 **3. see -> saw**	 **4. swim -> swam**	 **5. drive -> drove**
 **6. eat -> ate**	 **7. take -> took**	 **8. sleep -> slept**	 **9. do -> did**	 **10. sing -> sang**

2) Làm phiếu bài tập 2,3 trên Liveworksheets

LIVEWORKSHEETS

Thứ 5
(21/10)

3) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (2 lần)

Con mở **"Track 03"** để nghe bài.

1  **I didn't go fishing.**	2  **He didn't sleep in the sleeping bag.**
3  **She didn't see bear prints.**	4  **They didn't drive the cars.**

LIVEWORKSHEETS

Thứ 6 (22/10)	**1) Làm bài tập trên Pearson Portal: http://english.com/login** **2) Con luyện nói và quay video nộp lên padlet. (Hạn nộp: Thứ 3 – ngày 26/10)** Link nộp bài: https://padlet.com/tamhongchu/d9lbnt9quoohc4hs Con kể về các hoạt động con đã làm trong kì nghỉ của mình, quay video gửi lên Teams. **Con có thể nói theo các gợi ý sau:** • *Where did you go?* *I went **camping** by the river. / I went to the **beach/ mountains/ town/ city**.* • *Who did you go with?* *I went with my **family/ friends/ grandparents/ parents**.* • *How did you travel?* *I travelled by **car/ bus/ taxi/ train**.* • *What did you do there?* *I went fishing/ I played on the sand/ I walked up a hill/ I slept in a tent/, etc ..*

~ THE END ~

LIVEWORKSHEETS